

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2023/HNGĐ-ST**.

Ngày: 21/03/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thế Hà.

2. Bà Phan Thị Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2023 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 23/02/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 3, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Chị Trần Thị Thu H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trương Minh Đ tự nguyện đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Sau đó, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Thời gian ly thân, các bên không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh Đ không tác động chị H

quay về chung sống lại với nhau. Chị H không còn tình cảm với anh Đ và vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 người con chung tên là Trương Khả H1, sinh ngày 19/12/2016. Chị H đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần bị đơn – anh Trương Minh Đ đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh Đ đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể ghi nhận những ý kiến của anh Đ về những vấn đề liên quan trong vụ án.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Chị Trần Thị Thu H cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 Chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu của chị H (bản sao có chứng thực); 01 Sổ hộ khẩu của anh Đ (bản sao); 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Giấy khai sinh của con (bản sao có chứng thực).

- Anh Trương Minh Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thu H; chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Trương Minh Đ.

Về con chung: Tiếp tục giao 01 người con chung tên là Trương Khả H1, sinh ngày 19/12/2016 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc không ai được phép ngăn cản.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, chị Trần Thị Thu H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trương Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn – chị Trần Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trương Minh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 26/2016, ngày 08/7/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2017 do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Chị H và anh Đ ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị H đề nghị giải quyết ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 06/10/2022, chị H xác định: Giữa chị H và anh Đ không còn tình cảm gì với nhau. Các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh Đ không liên lạc để tác động chị H quay về chung sống đoàn tụ lại.

Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2023 thể hiện: Vì kinh tế gia đình nên chị H và anh Đ bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn với nhau. Chị H và anh Đ

sống ly thân khoảng 5 năm. Thời gian này, gia đình đã nhiều lần tác động, hòa giải để chị H quay về chung sống lại nhưng không có kết quả.

Từ những phân tích, chứng tỏ chị H và anh Đ đã phát nhiều sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh Đ có 01 người con chung tên là Trương Khả H1, sinh ngày 19/12/2016. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con cho đến khi thành niên.

Xét thấy: Anh Đ vắng mặt trong giai đoạn Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được yêu cầu của anh Hiếu liên quan đến vấn đề con chung. Do cháu Trương Khả H1 tuổi còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của chị H. Trong khi đó, trong thời gian sống ly thân chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Khả H1. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi thành niên. Do đó, cần tiếp tục giao 01 người con chung tên là Trương Khả H1, sinh ngày 19/12/2016 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.1] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trần Thị Thu H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trần Thị Thu H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Cần buộc chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

- Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Trương Minh Đ.

- *Về con chung*:

Tiếp tục giao 01 người con chung tên là Trương Khả H1, sinh ngày 19/12/2016 cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Anh Trương Minh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; không ai được quyền ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị Phương đã nộp theo biên lai số 0011403, ngày 16/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến